

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Đại Đồng, ngày tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và Đại biểu
Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật số 87/2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Xét Tờ trình số 24 /TTr-TTHĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND xã Đại Đồng về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; Báo cáo góp ý số 03/ BC-VP ngày 28/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng khoá I, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c)
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực UBND xã;
- VP Đảng ủy, VP HĐND-UBND;
- UBMTTQ xã, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, HS kỳ họp (02).

CHỦ TỊCH

Trình Văn Nhã

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Làm việc của hội đồng nhân dân, Thường trực hội đồng nhân dân, các ban của hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã đại đồng, khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.

Quy chế này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ làm việc, chế độ phát ngôn của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND), các Ban của HĐND, các Tổ và đại biểu HĐND; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng, Phó các Ban HĐND, Ủy viên của HĐND, Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND xã; mối quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban nhân dân xã; mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận và các cơ quan hữu quan; những điều kiện đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc.

1. Hội đồng nhân dân xã hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ.
2. Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật tiếp công dân năm 2013 và các quy định khác của pháp luật có liên quan và những quy định tại Quy chế này. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã ban hành văn bản và sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở xã bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:
 - a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;
 - b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;
 - c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;
 - d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.
2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:
 - a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật;
 - b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;
 - c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;
 - d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;
 - đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã;
 - g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.
3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:
 - a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng,

giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân xã và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân xã.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân xã giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó trưởng ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

7. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp dưới; trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân cấp mình bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật số 72/2025/QH15.

8. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân. Trình Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân xã đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

11. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

12. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

13. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận xã, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Điều 8. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ trì phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã được Chủ tịch Hội đồng nhân dân ủy quyền chủ trì phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

5. Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

6. Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội xã, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

8. Cho ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp để thảo luận, thống nhất. Nội dung lấy ý kiến bằng văn bản được ghi lại trong sổ Nghị quyết.

Điều 9. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân. Việc tiếp công dân được quy định như sau:

a) Lịch tiếp công dân phải được niêm yết công khai tại cơ quan HĐND-UBND (phòng tiếp dân) đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã cử đại diện tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã phải có lịch tiếp công dân. Tùy theo yêu cầu của công việc, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã bố trí số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch HĐND xã tiếp công dân định kỳ mỗi tháng 01 ngày. Nếu không thể thực hiện được công việc tiếp công dân theo lịch, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐND hoặc Ủy viên Thường trực HĐND xã tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND xã bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng và công khai lịch tiếp công dân hàng tháng của Chủ tịch HĐND xã, thường trực Hội đồng nhân dân xã; căn cứ tình hình giải quyết kiến nghị cử tri, các vụ việc bức xúc, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tham mưu để Chủ tịch HĐND xã lựa chọn nội dung, thời gian, thành phần tham dự tiếp công dân; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thông báo kết luận tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã và gửi UBND xã và các cơ quan liên quan để giải quyết; chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Chủ tịch HĐND xã và tổng hợp kết quả tiếp công dân của đại biểu HĐND xã; định kỳ báo cáo Thường trực HĐND xã để giám sát việc thực hiện.

Điều 10. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

1. Chủ tịch HĐND xã là người phát ngôn của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; chỉ đạo trao đổi và cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền.

2. Chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các Ban của HĐND xã có trách nhiệm chuẩn bị, tổng hợp các thông tin phục vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

4. Người phát ngôn từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn;

b) Các vụ việc đang được thanh tra, điều tra, chưa xét xử hoặc đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định của pháp luật không được cung cấp thông tin cho báo chí;

c) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 11. Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thành lập 02 Ban, gồm: Ban Văn hóa – xã hội và Ban Kinh tế - Ngân sách.

Ban của Hội đồng nhân dân xã gồm có Trưởng ban, một Phó trưởng ban và 03 (ba) Ủy viên. Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã là đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoạt động chuyên trách.

3. Các thành viên các ban của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Điều 12. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Ban Văn hóa – Xã hội của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, nội vụ, văn hóa, giáo dục, y tế, lao động, việc làm, chính sách xã hội, dân số, gia đình, trẻ em, thể dục thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, khoa học, công nghệ, chính sách tôn giáo và lĩnh vực dân tộc; các vấn đề xã hội khác trước khi trình HĐND xã.

2. Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; các vấn đề về

quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, môi trường; các vấn đề về đầu tư, xây dựng cơ bản, giao thông ở địa phương.

Điều 13. Nhiệm vụ quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã liên quan đến lĩnh vực phụ trách.
2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.
3. Giúp Hội đồng nhân dân xã giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.
4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.
5. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã.
6. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã; trong thời gian Hội đồng nhân dân xã không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 14. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân xã.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.
2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.
3. Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 15. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.
2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thực hiện theo trình tự sau đây:
 - a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày;
 - b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;
 - c) Các thành viên của Ban thảo luận;
 - d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.
3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình

hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó trưởng ban Hội đồng nhân dân xã.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban:
 - a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;
 - b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;
 - c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã và các Ban khác của Hội đồng nhân dân xã, các cơ quan tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn;
 - d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân xã, với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;
 - đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân xã và cơ quan hữu quan mời;
 - e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban;
 - g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng ban:
 - a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng ban vắng mặt thì Phó trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban;
 - b) Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công;
 - c) Các Phó trưởng ban chuyên trách theo lĩnh vực được phân công, chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ chủ động báo cáo công việc đã thực hiện và dự kiến nhiệm vụ thời gian tới cho Trưởng ban.

Điều 17. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác hàng năm.

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân xã và của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã chủ động xây dựng chương trình công tác của mình.
2. Ban của Hội đồng nhân dân xã họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Chương V

**TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

Điều 18. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Các đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã thành lập 7 tổ đại biểu và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Tổ chức họp, phân công đại biểu trong Tổ nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

3. Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng lịch và tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân và báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp của Hội đồng nhân dân Xã theo quy định. Chủ trì, phối hợp với Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổng hợp, phân loại các ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Xã những ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp đại biểu tiếp xúc cử tri.

4. Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

5. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân và quy chế của Thường trực Hội đồng nhân dân Xã.

Điều 19. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân Xã.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân. Trường hợp vắng mặt thì ủy quyền cho Tổ phó ký các văn bản của Tổ.

3. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ khi được Tổ trưởng ủy quyền, phân công.

Điều 20. Hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, góp ý vào nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã họp ít nhất 01 (một) quý 01 (một) lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp công dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì đại biểu phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu. Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã (qua Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban Nhân dân xã).

Điều 21. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong xã, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chấp hành tốt nội quy các kỳ họp, tham dự đầy đủ các kỳ họp, cũng như các phiên họp, phiên thảo luận của Hội đồng

nhân dân xã và của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã; dự cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân xã mà đại biểu là thành viên.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Trách nhiệm tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân xã của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân xã, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải báo cáo Hội đồng nhân dân xã để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã đó.

Điều 23. Quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã. Người được chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã chất vấn.

2. Trong thời gian Hội đồng nhân dân xã họp, đại biểu Hội đồng nhân dân xã gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Người được chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân xã có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân dân xã hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để chuyển đến người được chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

Điều 24. Quyền kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu, tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Hội đồng nhân dân xã và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

2. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân xã được gửi bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp, xử lý các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trong trường hợp khác mà Thường trực Hội đồng nhân dân xã xét thấy cần thiết.

3. Trường hợp có từ một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân xã kỳ họp chuyên đề hoặc họp

kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo để Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

4. Số lượng kiến nghị cần thiết quy định tại khoản 3 Điều này là tổng số kiến nghị mà Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp nhận được trong khoảng thời gian từ ngày khai mạc kỳ họp này đến trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo hoặc đến trước ngày tiến hành phiên họp Hội đồng nhân dân xã về nội dung có liên quan trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã kiến nghị Hội đồng nhân dân xã tổ chức phiên họp kín.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 25. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật.

1. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân xã quy định tại khoản 1 điều này, cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

Điều 26. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong việc yêu cầu cung cấp thông tin và quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chức năng không có quyền bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi chưa có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân xã trong kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời gian giữa hai kỳ họp.

4. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

5. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, không có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định

Điều 27. Thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân xã không còn công tác và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì phải xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân xã thôi làm nhiệm vụ đại biểu do Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 28. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân xã bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân xã bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Chương VI

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 29. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Hội đồng nhân dân xã họp 1 (một) năm ít nhất 2 (hai) kỳ.

2. Hội đồng nhân dân xã tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

Điều 30. Triệu tập, thông báo, chương trình và tài liệu lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì họp với Ủy ban nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan hữu quan để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị.

3. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các ban Hội đồng nhân dân xã.

4. Chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan nhà nước hữu quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định những tài liệu lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm bảo quản, sử dụng, lưu trữ tài liệu kỳ họp theo quy định.

6. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ hoặc 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thông báo thời gian, địa điểm và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

7. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua trước khi khai mạc kỳ họp.

Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua.

Điều 31. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm gửi giấy mời và những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp tới đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tại địa phương, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy viên Ủy ban nhân dân xã không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân xã được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân xã khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được phát biểu ý kiến về nội dung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách khi chủ tọa yêu cầu.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân xã khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 32. Nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân xã quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; nghe Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; xem xét báo cáo hoạt động của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, báo cáo của Ủy ban nhân dân xã; xem xét việc trả lời chất vấn.

Điều 33. Trình tự phát biểu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại phiên họp toàn thể.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã đăng ký phát biểu; chủ tọa mời từng đại biểu phát biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 (hai) lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 10 (mười) phút. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân xã cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do chủ tọa kỳ họp quyết định.

3. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến gửi cho thư ký kỳ họp để tổng hợp.

Điều 34. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân xã.

1. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng hình thức biểu quyết. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Điều 35. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Thư ký kỳ họp được Thường trực HĐND giới thiệu và phân công từ kỳ họp thứ nhất của HĐND xã, có nhiệm vụ:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân xã có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.
4. Giúp chủ tọa kỳ họp trong việc điều hành thảo luận và biểu quyết.
5. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo Nghị quyết và các văn bản khác đề trình Hội đồng nhân dân xã.
6. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 36. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo thuyết trình trước Hội đồng nhân dân xã.
2. Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân xã được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo thẩm tra.
3. Hội đồng nhân dân xã thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân xã có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.
4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân xã yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.
5. Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 37. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ký chứng thực.
2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân xã do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên.
3. Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi lên Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MỤC 1

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 38. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, tiếp xúc cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm tiếp thu và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân xã, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

2. Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 39. Tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp.

1. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có trách nhiệm tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân xã và với các cơ quan liên quan khác ở địa phương.

Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri để gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Mỗi năm 01 (một) lần vào cuối năm kết hợp với tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo với cử tri kết quả hoạt động trong năm. Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hoặc trực tiếp trình bày ý kiến nhận xét tại Hội nghị tiếp xúc cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân xã và của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể thông qua Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị để được hỗ trợ tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc.

Điều 40. Kế hoạch tiếp xúc cử tri.

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, tình hình thực tế ở địa phương; Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

Điều 41. Nội dung, trình tự tại Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chỉ đạo Ban công tác Mặt trận thôn, khối, xóm tổ chức tiếp xúc cử tri là cơ quan, chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, chương trình nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo chương trình nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc trước kỳ họp; kết quả kỳ họp, phổ biến, giải thích vận động nhân dân thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và kết quả giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở xã.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân xã, cơ quan tổ chức hữu quan phát biểu trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền (nếu có).

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Kết thúc hội nghị tiếp xúc cử tri.

Điều 42. Phân loại ý kiến, kiến nghị cử tri.

1. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ban công tác mặt trận nơi đại biểu được mời để chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri để gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

2. Sau đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri theo các nhóm như sau:

a) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức ở Trung ương;

b) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh;

c) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp xã.

Sau khi phân loại như trên, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã gửi bằng văn bản về Thường trực Hội đồng nhân dân xã để Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổng hợp, gửi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và trả lời cử tri.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 43. Trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân theo lịch đã được phân công. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, đại

biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết.

Trường hợp không thể thực hiện được công việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố do có lý do chính đáng thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thông báo đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã để điều chỉnh lịch, đồng thời dự kiến thời gian cụ thể thực hiện việc tiếp công dân.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân xã công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, nhận đơn, chuyển đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân để tiếp thu ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân, giải thích tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân chuyển đến cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm giải quyết và trả lời công dân.

Điều 44. Tổng hợp, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân xã xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

MỤC I

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 45. Các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã.

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân, các báo cáo khác theo quy định tại Điều 47 của Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thành viên khác của Ủy ban nhân dân xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu.

6. Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

Điều 46. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và kiến nghị của cử tri ở địa phương trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và cử tri gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân xã đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân xã tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã để trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;
- b) Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- c) Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã, trừ trường hợp quy định tại Điều 50 của Quy chế này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

Điều 47. Xem xét báo cáo.

1. Hội đồng nhân dân xã xem xét các báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo công tác 06 (sáu) tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.
- b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.
- c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về: kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của xã; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thời điểm xem xét báo cáo được quy định như sau:

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

4. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân xã quan tâm;

d) Hội đồng nhân dân xã thảo luận;

5. Hội đồng nhân dân xã có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 48. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã ghi vấn đề chất vấn, người trả lời chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người trả lời chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người trả lời chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ nội dung chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để trả lời;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên chất vấn vì những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định.

4. Trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;

b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp bằng văn bản gửi đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân xã đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân xã có thể ra nghị quyết về chất vấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ khi do Hội đồng nhân dân xã quyết định khác.

7. Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về chất vấn, các nội dung đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 49. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

1. Khi phát hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã có dấu hiệu trái hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết.

2. Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

3. Hội đồng nhân dân xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã trình bày tờ trình;
- b) Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- c) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- d) Hội đồng nhân dân xã quyết nghị xem xét văn bản.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 50. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã.

1. Căn cứ chương trình giám sát, Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân xã và một số đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận, các phòng, ban có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;
- đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;
- e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có

thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xã xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân xã, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả giám sát.

3. Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;
- c) Hội đồng nhân dân xã thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;
- d) Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cơ bản sau đây:

- Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Thời gian khắc phục hạn chế, tồn tại;
- Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

4. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 51. Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm.

1. Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Trưởng ban, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

2. Việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;
- b) Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm.

4. Ngoài quy định tại điều này, thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân xã bầu được thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội.

Điều 52. Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm.

1. Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- b) Khi có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đại Đồng;
- c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm;
- b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến của mình;
- c) Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- d) Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân xã bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Ngoài quy định tại điều này, trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu được thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 53. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã trong việc xem xét kết quả giám sát.

1. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Ban hành nghị quyết chất vấn.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

4. Giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân.

MỤC II

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 54. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn theo quy định tại khoản 2, Điều 45 của Quy chế này.

3. Giám sát chuyên đề.
4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.
5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.
6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.
7. Giám sát việc thực hiện kết luận chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã.
8. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 55. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để quyết định chương trình giám sát hàng năm.

Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đại Đồng gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị giám sát, nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát cho Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hàng năm chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân xã và theo trình tự sau đây:

- a) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân xã trình dự kiến chương trình giám sát;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi cần thiết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm của mình với Hội đồng nhân dân xã vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 56. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

b) Theo đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

c) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

2. Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp.

Ban của Hội đồng nhân dân xã chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;

b) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận;

e) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

4. Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; hoặc trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 57. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã ghi vấn đề chất vấn, người được chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người trả lời chất vấn, thời gian chất vấn.

2. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã chất vấn theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã về nội dung thuộc trách nhiệm được phân công.

Thời gian chất vấn, trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp;
- b) Nội dung chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm nội dung chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người trả lời chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản, gửi người chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã xem xét trách nhiệm đối với người trả lời chất vấn.

Điều 58. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề, xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban của Hội đồng nhân dân xã và một số đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đoàn làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;
- đ) Xem xét, xác minh, lấy ý kiến chuyên gia về nội dung mà Đoàn giám sát thấy cần thiết;
- e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;
- g) Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

3. Báo cáo kết quả của đoàn giám sát

a) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- Trưởng đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận; trong quá trình thảo luận, đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những nội dung có liên quan;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân xã được gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo dõi kết quả tổ chức, các nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị giám sát.

c) Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã về hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp.

Điều 59. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào chương trình giám sát, yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân xã giải trình và cá nhân có liên quan giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân xã quan tâm.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định nội dung, kế hoạch và người được yêu cầu giải trình. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ khi được Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định khác.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa nêu nội dung và cá nhân có trách nhiệm giải trình;
- b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã tham dự nêu yêu cầu giải trình;
- c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu;
- đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận vấn đề được giải trình.
- e) Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua kết luận nội dung được giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân xã được gửi đại biểu Hội đồng nhân dân xã, người được yêu cầu giải trình và tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 60. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân xã giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 61. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri báo cáo trình Hội đồng nhân dân xã.

2. Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra theo sự phân công báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri của Ủy ban nhân dân xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban nhân dân xã trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân xã.

Điều 62. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát.

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã và Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Tổ chức họp định kỳ hàng quý với Trưởng ban, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát.

5. Báo cáo Hội đồng nhân dân xã kết quả giám sát.

MỤC III

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 63. Hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

5. Giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 64. Chương trình giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân xã để xây dựng chương trình giám sát hàng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã tổ chức thực hiện chương trình giám sát; chương trình giám sát có thể được điều chỉnh khi cần thiết.

Điều 65. Thẩm tra báo cáo.

1. Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã tổ chức họp thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 47 của Quy chế này theo sự phân công của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thẩm tra báo cáo được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến;

c) Ban của Hội đồng nhân dân xã thảo luận;

d) Người đứng đầu cơ quan báo cáo giải trình, tiếp thu;

đ) Chủ tọa phiên họp dự kiến kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân xã biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Ban của Hội đồng nhân dân xã gửi báo cáo thẩm tra cho Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 66. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của Hội đồng nhân dân xã biết kết quả giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của Hội đồng nhân dân xã có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 67. Giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào chương trình giám sát hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã giao thì tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân xã và một số đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Đoàn giám sát khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm;

g) Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 68. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát.

1. Ban của Hội đồng nhân dân xã tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận báo cáo giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phát biểu ý kiến;
- c) Ban của Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- d) Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân xã biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

2. Báo cáo giám sát phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã gửi báo cáo giám sát cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 69. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của các Ban của Hội đồng nhân dân xã và phải báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

MỤC IV

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 70. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 71. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Chất vấn những người được chất vấn quy định tại khoản 2, Điều 45 của Quy chế này;

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật;

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 72. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người trả lời chất vấn quy định tại khoản 2, Điều 45 của Quy chế này.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo quy định tại Điều 48 và Điều 57 của Quy chế này.

Điều 73. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân xã và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì có quyền kiến nghị cấp có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 74. Giám sát việc thi hành pháp luật.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật tại nơi ứng cử.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày bắt đầu tiên hành hoạt động giám sát;

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;

c) Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 75. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm nghiên cứu và chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã biết kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền gặp người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết để yêu cầu giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Chương IX

QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VỚI TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 76. Hình thức phối hợp.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp trong tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát và các hoạt động khác có liên quan.

Quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An và Ban Thường vụ Đảng ủy Đại Đồng.

Điều 77. Nội dung phối hợp.

1. Khi tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xã thống nhất thời gian, địa điểm, thành phần tham gia để tổ chức thực hiện; kịp thời thông báo, phối hợp giải quyết khi có sự thay đổi.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi dự thảo văn bản về chương trình giám sát hàng năm cho Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã để góp ý, đồng thời tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa điểm giám sát của Hội đồng nhân dân xã với giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã mời Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Chương X

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Điều 78. Hình thức phối hợp.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã

trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã; giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 79. Nội dung phối hợp.

1. Ủy ban nhân dân xã mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân xã dự các cuộc họp bàn việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã; mời đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân xã dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã bàn về những nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã dự các phiên họp thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi cần thiết; mời đại diện lãnh đạo các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã dự phiên họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã về những vấn đề liên quan.

Điều 80. Phối hợp cung cấp thông tin.

1. Ủy ban nhân dân xã cung cấp cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành.

2. Ủy ban nhân dân xã, các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi được Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã đề nghị.

Chương XI

**QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VỚI ỦY BAN
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ VÀ CÁC TỔ CHỨC
THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN**

81. Hình thức phối hợp.

1. Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật.

2. Mỗi năm 2 (hai) lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, nêu những kiến nghị (nếu có) với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Hội đồng nhân dân xã mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã dự kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã, thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc xã tham gia xây dựng chính quyền, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương; đề xuất, kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân xã được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Điều 82. Nội dung phối hợp.

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì, phối hợp với xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân xã làm nhiệm vụ đại biểu.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo quy định pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Chương XII

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 83. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

1. Hội đồng nhân dân xã căn cứ đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp để quyết định kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Các chế độ, chính sách, điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo các quy định hiện hành của Ủy Ban thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 84. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân xã.

Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 85. Chế độ khen thưởng, kỷ luật.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xã định kỳ hàng năm và cả nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi ra khỏi xã thì trước khi ra quyết định chuyển, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã và thông báo với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân xã đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

Điều 86. Tổ chức thực hiện.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp để Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và tham mưu bổ sung, sửa đổi Quy chế này khi cần thiết./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ – KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021-2026